TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/HS-ST
Ngày 28-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Hoàn;

2. Bà Hoàng Thị Cúc.

Thư ký phiên tòa*:*

+ Tại điểm cầu trung tâm: ông Phạm Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.

+ Tại điểm cầu thành phần: bà Ngô Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: ông Bùi Đình Thi - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: ông Dương Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu T - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Q, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 76/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Phương N; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 07/5/1999 tại M, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: Tổ B, khu V, phường M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Khu V, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Hồng T2 và bà: Nguyễn Thị T3; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 28/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại điểm cầu thành phần.

* *Người làm chứng*: Phạm Hữu T4, Phạm Quang V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Phương N là đối tượng sử dụng ma túy *"cần sa"*, thường mua ma túy trên mạng xã hội Telegram của người không quen biết có bán *"cần sa"* nên đã nảy sinh ý định mua ma túy bán để hưởng lợi chênh lệch. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2026 đến ngày 29/01/2026, Bùi Phương N đã 02 lần bán ma túy cho Phạm Hữu T4 (sinh năm 1997, trú tại Khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh), cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất:

Ngày 11/01/2026, Phạm Hữu Trọng liên H với Bùi Phương N hỏi mua ma túy *"cần sa"*, N nói có hai loại 10 gam giá 1.500.000 đồng và 1.800.000 đồng, T4 đồng ý mua loại 1.500.000 đồng và chuyển tiền qua tài khoản cho N. Sau khi nhận được tiền, Nam thông báo trong khoảng 03 đến 05 ngày sẽ có người chuyển phát nhanh ma túy đến nhà T4. Sau đó, N liên hệ qua tài khoản mạng xã hội Telegram có tên "Hỏa Lực" để mua 10 gam ma túy *"cần sa"* với giá 1.400.000 đồng, N chuyển tiền từ tài khoản V1 số tài khoản 1058649050 của N vào tài khoản M1 số tài khoản 0379341142 mang tên LE PHUNG TIEN, đồng thời cung cấp địa chỉ và số điện thoại của T4 để người bán gửi ma túy trực tiếp đến cho T4. Khoảng 02 ngày sau, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên N thỏa thuận với T4 góp 750.000 đồng để nhận một nửa số ma túy *"cần sa"* đã đặt mua, đồng thời xin nợ số tiền trên và hứa sẽ trả cho T4 vào đầu tháng 02/2026 và được T4 đồng ý.

Ngày 15/01/2026, nhân viên giao hàng (không rõ lai lịch) chuyển phát đến nhà T4 01 gói hàng. Sau khi kiểm tra, thấy đúng bên trong có ma túy *"cần sa"* cần mua, T4 gọi điện cho N thông báo đã nhận được ma túy và bảo N đến lấy một nửa số ma túy về. N thuê xe ôm đến nhà T4 nhận số ma túy *"cần sa"* như đã thỏa thuận và mang về tự sử dụng hết cho bản thân. Lần bán ma túy này N kiếm lời số tiền 50.000 đồng. Số ma túy mua được, Trọng tự sử dụng cho bản thân.

- Lần thứ hai:

Ngày 24/01/2026, do gần hết ma túy *"cần sa"*, T4 tiếp tục liên hệ với N để mua 10 gam ma túy *"cần sa"* với giá 1.800.000 đồng và chuyển khoản cho N. Sau khi nhận tiền, N tiếp tục sử dụng Telegram liên hệ với tài khoản *"Hỏa Lực"* để đặt mua 10 gam ma túy *"cần sa"* với giá 1.700.000 đồng. Theo hướng dẫn của người bán, N chuyển số tiền 1.700.000 đồng vào tài khoản A số 888353497354 mang tên NGUYEN MINH PHUOC, đồng thời cung cấp địa chỉ và số điện thoại của T4 để người bán gửi ma túy trực tiếp cho T4 qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Lần bán ma túy này, N kiếm lời số tiền 100.000 đồng.

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 27/01/2026, tổ công tác Công an phường B tiến hành triệu tập làm việc và test nhanh chất ma túy trong nước tiểu đối với Phạm Hữu T4. Kết quả T4 dương tính với ma túy *"cần sa"*. T4 khai nhận là người sử dụng ma túy *"cần sa"*, sau khi mua được ma túy *"cần sa"* của Nam từ ngày 15/01/2026, Trọng tự sử dụng nhiều lần, lần gần nhất T4 sử dụng một mình tại nhà vào tối ngày 26/01/2026.

Căn cứ lời khai của T4, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành triệu tập Bùi Phương N làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, N khai nhận phù hợp về việc hai lần bán ma túy *"cần sa"* cho T4.

Ngày 28/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Phương N tại khu V, phường M, tỉnh Quảng Ninh, tạm giữ của N 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, màu xám, đã qua sử dụng, lắp SIM điện thoại số 0865.206.511 và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Phương N về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Hữu T4.

Ngày 29/01/2026, anh Phạm Quang V (sinh ngày 08/7/1988, trú tại khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh) là nhân viên giao hàng nhanh đến nhà T4 giao cho T4 01 gói hàng. T4 kiểm tra bên trong gói hàng có 01 túi nilon chứa ma túy *"cần sa"*, sau đó T4 giao nộp túi ma túy cho Công an phường B, còn vỏ gói hàng, T4 đem vất đi, không tìm được.

Quá trình điều tra, Bùi Phương N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Các nội dung giao dịch mua bán ma túy thông qua tài khoản Telegram, N đã xóa nên không kiểm tra được.

Người làm chứng Phạm Quang V có lời khai với nội dung như sau:

Khoảng ngày 26/01/2026 anh V bắt đầu xin thử việc làm nhân viên chuyển phát nhanh cho bưu cục giao hàng nhanh thuộc Công ty Cổ phần D1 tại khu vực Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vào khoảng 8 giờ ngày 29/01/2026 anh V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16M8-5798 đến kho hàng của Công ty giao hàng nhanh tại địa chỉ số nhà F, N, phường Đ, Quảng Ninh lấy tổng 30 đơn hàng để đi giao cho khách. Anh V dùng ứng dụng GHN Driver để quét mã QR của từng đơn hàng, sau đó chở hàng đi giao cho khách. Khoảng 11 giờ 30 cùng ngày anh V đến khu T, phường B để giao một đơn hàng có thông tin người nhận là M có số điện thoại 0964372866, anh gọi điện thì có một nam thanh niên nghe máy điện thoại và chỉ dẫn anh mang gói hàng đến cổng nhà người này. Đến nơi, anh V gặp một thanh niên đứng một mình nhận hàng, anh V giao hàng cho người này rồi nhận 54.000 đồng (năm mươi bốn nghìn đồng) tiền vận chuyển. Sau đó anh ghi chữ M vào tờ giấy dán trên mặt hộp giấy rồi chụp ảnh gửi lại về ứng dụng GHN Driver để báo là đã giao hàng thành công. Sau khi giao hàng xong anh tiếp tục đi giao hàng được một lúc thì được Cơ quan Công an mời lên trụ sở để làm việc, tại đây anh mới biết trong đơn hàng vừa giao cho nam thanh niên tên M tại khu T, phường B là ma túy cần sa.

Tại Kết luận giám định số 131/KL-KTHS và 132/KL-KTHS ngày 31/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H kết luận:

+ Thực vật khô gửi giám định là ma túy, loại "cần sa" (hoa lá cây "cần sa"), có khối lượng 10,02 gam.

+ Mẫu nước tiểu của Phạm Hữu T4, Bùi Phương N gửi giám định đều tìm thấy chất 11-nor-delta 9-tetrahydrocanabinol-9-carboxylic (sản phẩm chuyển hóa sau khi dùng ma túy "cần sa"). Không tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa của ma túy trong mẫu nước tiểu của Phạm Quang V.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKSQNH-KV ngày 24 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Bùi Phương N về tội

"Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Phương N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2026. Miễn hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Bùi Phương N nộp số tiền 150.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 131/KL-KTHS ngày 31/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H;

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ SIM điện thoại số 0865.206.511.

Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh; đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh và Kiểm sát viên*:

Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và truy tố. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người làm chứng: Phạm Hữu T4 và Phạm Quang V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ. Sự vắng mặt của họ

không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về đánh giá chứng cứ:*

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Phương N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng Phạm Hữu T4 và Phạm Quang V. Kết hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; thông tin các tài khoản ngân hàng; các kết luận giám định... Các tài liệu chứng cứ nêu trên đều được thu thập theo đúng trình tự tố tụng, hợp pháp. Thể hiện:

Đối với giao dịch lần thứ nhất, ngày 11/01/2026, sau khi Phạm Hữu T4 đồng ý mua 10 gam ma túy loại cần sa với giá 1.500.000 đồng và chuyển đủ tiền, Bùi Phương N đã liên hệ tài khoản T5 *"Hỏa Lực"*, đặt mua 10 gam cần sa với giá 1.400.000 đồng, chuyển tiền vào tài khoản M1 số 0379341142 và cung cấp địa chỉ, số điện thoại của T4 để người bán giao hàng trực tiếp. Hành vi nhận tiền của người mua, liên hệ nguồn cung, thanh toán và tổ chức giao ma túy thể hiện mục đích mua bán trái phép chất ma túy để hưởng lợi. Trước khi hàng được giao, N và T4 thỏa thuận N nhận một nửa số ma túy, đồng thời có nghĩa vụ hoàn trả cho T4 750.000 đồng vào đầu tháng 02/2026; T4 nhận một nửa còn lại. Ngày 15/01/2026, sau khi nhận gói hàng, T4 đã giao cho N một nửa số ma túy theo thỏa thuận. N mang phần ma túy này về sử dụng hết; T4 cũng sử dụng hết phần của mình. Như vậy, theo thỏa thuận cuối cùng và kết quả giao nhận thực tế, N đã chuyển giao cho T4 một nửa số ma túy loại cần sa trong gói hàng đặt mua, tương ứng số tiền 750.000 đồng; N nhận một nửa còn lại để sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho T4 750.000 đồng. Căn cứ giá mua 1.400.000 đồng đối với toàn bộ gói hàng, khoản chênh lệch Nam thu lợi từ phần ma túy bán cho T4 được xác định là 50.000 đồng. Mặc dù không thu giữ được số ma túy của lần giao dịch này, dữ liệu T5 đã bị xóa và Lê Phụng T6 không thừa nhận bán ma túy cho N, nhưng lời khai của N và T4 phù hợp với nhau về thời gian, số tiền, phương thức đặt mua, nhận và phân chia ma túy; phù hợp với chứng từ T4 chuyển cho N 1.500.000 đồng, chứng từ N chuyển 1.400.000 đồng vào tài khoản được chỉ định và kết quả xét nghiệm phát hiện sản phẩm chuyển hóa của cần sa trong mẫu nước tiểu của N và T4. Các chứng cứ này có mối liên hệ, bổ trợ lẫn nhau, đủ cơ sở xác định lần giao dịch thứ nhất đã xảy ra như N và T4 khai nhận.

Đối với lần giao dịch thứ hai, ngày 24/01/2026, sau khi nhận 1.800.000 đồng của Phạm Hữu T4, Bùi Phương N đã liên hệ với tài khoản T5 *"Hỏa Lực"* đặt mua 10 gam ma túy loại cần sa với giá 1.700.000 đồng; chuyển tiền vào tài khoản A số 888353497354 mang tên Nguyễn Minh P và cung cấp địa chỉ, số điện thoại của người nhận để người bán gửi ma túy trực tiếp cho T4. Như vậy, trước khi bị giữ ngày 28/01/2026, N đã chủ động thực hiện các hành vi nhận tiền, đặt mua, thanh toán và chỉ định địa điểm giao ma túy nhằm bán lại cho T4 để hưởng lợi 100.000 đồng. Ngày 29/01/2026, anh Phạm Quang V, là nhân viên giao hàng, đã giao gói hàng theo thông tin của đơn vận chuyển tại khu T, phường B. Ngay sau khi nhận hàng, Phạm Hữu T4 kiểm tra thấy bên trong có túi chứa thực vật khô và giao nộp cho Công an phường B. Kết luận giám định xác định thực vật khô là ma túy loại cần sa, khối lượng 10,02 gam. Thông tin trên đơn vận chuyển, số điện thoại người nhận, địa điểm giao hàng, thời điểm tạo và giao đơn phù hợp với thông tin N đã cung cấp cho người bán và lời

khai của Phạm Hữu T4; do đó, có căn cứ xác định gói ma túy giao ngày 29/01/2026 là gói hàng Nam đặt mua ngày 24/01/2026. Việc giao hàng sau thời điểm N bị giữ là kết quả trực tiếp của những hành vi N đã thực hiện trước đó; N không tự ý chấm dứt việc phạm tội mà không thể tiếp tục tham gia do bị Cơ quan Cảnh sát điều tra giữ. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định lần mua bán thứ hai đã hoàn thành khi gói ma túy được giao cho người mua.

Từ nhận định trên đây, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 15/01/2026 và 29/01/2026, tại khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Phương N đã có hành vi 02 lần bán trái phép ma túy, loại "cần sa" cho Phạm Hữu T4: Lần thứ nhất, T4 chuyển cho N 1.500.000 đồng để mua 10 gam cần sa. Trước khi hàng được giao, N và T4 thỏa thuận N nhận một nửa số ma túy để sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho T4 750.000 đồng; T4 nhận một nửa còn lại. N thu lợi 50.000 đồng từ phần ma túy bán cho T4. Lần thứ hai Nam bán cho T4 01 túi "cần sa" (khối lượng 10,02 gam) với giá 1.800.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Phương N đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma túy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ cần sa là chất ma túy do Nhà nước quản lý nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn hai lần nhận tiền, liên hệ nguồn cung, thanh toán và tổ chức giao ma túy cho Phạm Hữu T4. Hai lần giao dịch độc lập về thời gian và ý chí thực hiện, chưa lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" thuộc trường hợp *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;...."

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh và quan điểm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa truy tố bị cáo Bùi Phương N ra xét xử trước Tòa án theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, cần chấp nhận.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo*:

Tình tiết tăng nặng: không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị T3, bị cụt một chân do tai nạn được xác nhận là dạng khuyết tật vận động ở mức độ nặng, Hội đồng xét xử xét thấy có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, số tiền thu lợi không lớn, mẹ bị cáo là người khuyết tật vận động ở mức độ nặng và bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, hình phạt bổ sung không phải là hình phạt bắt buộc mà được áp dụng căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính với số tiền không lớn (150.000 đồng); bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản riêng có giá trị và hiện đang bị tạm giam. Do đó, việc áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo không bảo đảm tính khả thi trong thi hành án, đồng thời cũng không làm tăng hiệu quả giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án:*

+ 01 phong bì niêm phong chứa ma túy hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tuyên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 điện thoại iPhone 13 Pro Max, màu xám bị cáo khai là phương tiện liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước; thẻ SIM điện thoại số 0865.206.511 cần tịch thu tiêu hủy.

[8] *Về biện pháp tư pháp:* Buộc bị cáo Bùi Phương N nộp số tiền 150.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

[9] *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] *Về quyền kháng cáo*: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] *Các vấn đề khác*:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Hữu T4 và Bùi Phương N: Tài liệu trong hồ sơ không thể hiện Bùi Phương N và Phạm Hữu T4 thuộc các trường hợp làm phát sinh trách nhiệm hình sự theo Điều 256a Bộ luật Hình sự; do đó, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của N và T4 chưa đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*. Việc cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đối với anh Phạm Quang V là người vận chuyển gói ma túy cho T4, quá trình điều tra xác định anh V không biết bên trong gói hàng chuyển cho T4 là ma túy *"cần sa"* nên không có căn cứ xử lý.

Đối với tài khoản M1 số tài khoản 0379341142 mang tên LE PHUNG TIEN, quá trình xác minh chủ tài khoản là Lê Phụng T6 *(sinh năm 2008, trú tại ấp G, xã B, tỉnh Tây Ninh)*. Anh T6 phủ nhận việc bán ma túy cho N. Theo lời khai của T6, T6 đã đặt mua *"cần sa"* của N với giá 1.400.000 đồng; do N không thể gửi ma túy vào

dịp cận Tết nên ngày 12/01/2026, N đã chuyển khoản trả lại cho T6 số tiền nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành triệu tập để đấu tranh, làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của T6 nhưng đến nay T6 không có mặt tại địa phương. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho Bùi Phương N nhận dạng nhưng Nam không nhận dạng được T6 do không quen biết nên chưa có cơ sở xử lý Tiến. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Đối với tài khoản A số tài khoản 888353497354 mang tên NGUYEN MINH PHUOC, quá trình xác minh chủ tài khoản là Nguyễn Minh P *(sinh ngày 17/11/2007, trú tại ấp G, xã B, tỉnh Tây Ninh)*. Anh P khai nhận có quen biết Lê Phụng T6. Ngày 24/01/2026, anh P cho T6 mượn tài khoản để nhận số tiền 1.700.000 đồng, theo lời T6 nói là tiền thưởng trò chơi. Sau khi nhận tiền, anh P đã rút toàn bộ số tiền giao lại cho T6. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định anh P biết số tiền trên liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Phương N phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt bị cáo Bùi Phương N 07 năm *(Bằng chữ: bảy năm)* tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2026.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Bùi Phương N nộp số tiền 150.000 đồng *(Bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng)* sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 131/KL-KTHS ngày 31/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H;

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ SIM điện thoại số 0865.206.511.

(Tình trạng các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 102 ngày 25/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

[3] Căn cứ: khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14:

Buộc bị cáo Bùi Phương N phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT, Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Bình